

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

Bản án số: 48/2019/HS-ST.

Ngày: 09/8/2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sương và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

Thư ký phiên Tòa: Bà Bùi Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HS đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Ú (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1997 tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Số 506/29 P, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ là Y H, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 08 ngày 16/01/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xử phạt 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Đến ngày 08/01/2015, chấp hành xong hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/3/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Y Ch, sinh năm 1991.

Trú tại: Số 30, đường N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. Anh A Nh, sinh năm 1996;

Trú tại: Thôn P, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị Nguyệt T, sinh năm 1984.

Trú tại: Số 93 Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1987.

Trú tại: Tổ 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

3. Anh Võ Hồng S, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn P, xã H, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Chị Y Hoạch, sinh năm 1988.

Trú tại: Số 95 Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1991.

Trú tại: Tổ 03, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964;

Trú tại: Số 506/29 P, phường D, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có mặt

4. Anh A Tranh, sinh năm 2002;

Trú tại: Thôn P, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian ngày 15/3/2019 và ngày 18/3/2019, Nguyễn Văn Ú đã thực hiện hai lần hành vi lừa đảo như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ ngày 15/3/2019, Nguyễn Văn Ú đang ngồi chơi điện tử tại tiệm “*Internet Chung*”(Thuộc phường Ngô Mây, thành phố Kon Tum) thì có bạn là A Nh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu sơn đỏ đen BKS 82B1 – 685.04 đến chơi điện tử cùng. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Ú nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của A Nh nên Ú nói với A Nh “*Mày cho tao mượn xe về nhà ăn cơm*”, A Nh đồng ý. Sau khi mượn được xe mô tô nói trên, Ú điều khiển xe chạy đến bùng binh Duy Tân, thành phố Kon Tum thì vô tình gặp Đ (*Chưa rõ nhân thân lai lịch*). Tại đây, Ú hỏi Đ xem có biết ai mua xe máy không và Đ nói biết, Đ dẫn Ú đi gặp T (*Chưa rõ nhân thân lai lịch, là bạn của Đ*) tại phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum. T xem xe xong và hỏi Ú bán giá bao nhiêu, xe có giấy tờ không. Ú nói do xe không có giấy tờ nên bán giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). T bảo Ú chạy xe đến quán cà phê gần khu vực đường Đ, phường L, thành phố Kon Tum thì có bạn của T và T xem lại xe lần nữa. Sau đó, T đồng ý mua và đưa 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho Ú. Số tiền này Ú tiêu xài cá nhân hết.

Hiện nay, xe mô tô trên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum chưa thu giữ được.

Tại kết luận định giá số 27/ĐG - TS ngày 24/4/2019 của Hội đồng ĐGTS - TTHS thuộc UBND thành phố Kon Tum, kết luận: Xe mô tô BKS 82B1- 685.04 nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng sirius, màu sơn đỏ đen, mua tháng 11/2018 tính đến thời điểm bị chiếm đoạt là 23.686.000 đồng (*Hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Vụ thứ hai: Vào khoảng 02 giờ ngày 18/3/2019, Nguyễn Văn Ú đón taxi đi từ bùng binh Duy Tân, thành phố Kon Tum đến đường Đào Duy Từ gặp chị Nguyễn Thị H để hỏi xem có đào không (*Có gái bán dâm không?*) và chị H nói có. Sau khi thỏa thuận được thì có một người phụ nữ tên Y Ch đồng ý đi với Ú với giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*). Y Ch dắt xe mô tô BKS 76U1- 1968 (*Y Ch mượn của chị Nguyễn Thị Nguyệt T*) chở Ú đến nhà nghỉ Roman (*Ngã tư đường Trường Chinh - Trần Văn Hai*) để thuê phòng. Sau khi quan hệ tình dục xong, Ú trả tiền cho Y Ch và tiền thuê phòng nghỉ. Lúc này, Ú nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của Y Ch nên Ú rủ Y Ch đi ăn đêm và Y Ch đồng ý. Ú điều khiển xe của Y Ch chở Y Ch đi lòng vòng trên các tuyến đường trong trung tâm thành phố Kon Tum, khi đi đến khu vực chợ đêm thuộc phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum thì Ú đưa cho Y Ch 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*) và nhờ mua nước đậu. Y Ch xuống xe mua nước đậu còn Ú đi mua card điện thoại, sau đó Ú vù ga chạy thẳng đến huyện Măng Yang, tỉnh Gia Lai. Tại đây, Ú gặp bạn là Võ Hồng S, Ú để lại xe mô tô vừa chiếm đoạt được của Y Ch cho S để lấy 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) và nói: Đây là xe của Ú, giấy tờ xe để ở Kon Tum, về Kon Tum sẽ đem giấy tờ xuống đưa sau. Sau đó, Ú bắt xe khách về Kon Tum và tiêu xài hết toàn bộ số tiền nói trên.

Hiện nay, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã thu giữ được chiếc xe mô tô nói trên.

Tại kết luận định giá số 24/ĐG - TS ngày 21/3/2019 của Hội đồng ĐGTS - TTHS thuộc UBND thành phố Kon Tum, kết luận: Xe mô tô BKS 76U1 -1968 nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng sirius, màu sơn đỏ đen, mua tháng 01/2018 tính đến thời điểm bị chiếm đoạt là 10.506.000 (*Mười triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn Ú chiếm đoạt được của A Nh và Y Ch là 23.686.000 đồng + 10.506.000 đồng = 34.192.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Vật chứng của vụ án:

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Y Ch 01 (*Một*) xe mô tô BKS 76U1-1968 nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu sơn đỏ đen.

+ Đối với chiếc xe mô tô BKS 82B1 - 685.04 Nguyễn Văn Ú đã bán cho T, đối tượng này hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum chưa thu giữ được xe mô tô nói trên.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại A Nh yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tương đương với giá trị xe mô tô đã chiếm đoạt. Bị cáo chưa bồi thường; Bị hại Y Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Hồng S không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT -VKSTPKT ngày 26/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Văn Ú về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ú phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ú từ 24 đến 30 tháng tù

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Ú phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum số tiền 2.000.000 đồng, là số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính từ lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có để sung quỹ Nhà Nước.

Bị cáo Nguyễn Văn Ú nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi truy tố bị cáo: Trên cơ sở lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Trong thời gian từ ngày 15/3/2019 đến ngày 18/3/2019, Nguyễn Văn Ú đã thực hiện hai lần hành vi lừa đảo như sau:

Lần 1: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 15/3/2019 Nguyễn Văn Ú do không có tiền tiêu xài nên đã lợi dụng sự quen biết để nói dối anh A Nh mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu sơn đỏ đen BKS 82B1 - 685.04 về nhà ăn cơm, A Nh đồng ý. Sau khi có được xe của anh A Nh, Nguyễn Văn Ú đã bán cho T (*Chưa rõ nhân thân lai lịch*) với giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Trị giá xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu sơn đỏ đen BKS 82B1 - 685.04 là 23.686.000 đồng (*Hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

Lần 2: Ngày 18/3/2019, Nguyễn Văn Ú sau khi mua dâm với chị Y Ch xong, Nguyễn Văn Ú nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của Y Ch. Lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của chị Y Ch, Nguyễn Văn Ú đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt một xe ô

tô BKS 76U1- 968 của chị Y Ch có giá trị 10.506.000 (*Mười triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt tài sản của anh A Nh và chị Y Ch là 34.192.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Ú đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Ú là nguy hiểm cho xã hội. Chỉ vì muốn có tiền tiêu sài phục vụ cho mục đích cá nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối cố ý đưa ra những thông tin không đúng sự thật nhằm làm cho anh A Nh và chị Y Ch tin đó là sự thật nhằm chiếm đoạt tài sản 02 xe máy có giá trị là 34.192.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng*). Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã thực hiện hai lần lừa đảo để chiếm đoạt tài sản, hành vi của bị cáo thể hiện sự manh động, liều lĩnh, coi thường pháp luật. Hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn Ú đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân về mặt tài sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn nơi xảy ra tội phạm. Do đó, cần xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo để nhằm răn đe và phòng ngừa đối với loại tội phạm này xảy ra trên địa bàn thành phố Kon Tum.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn Ú đã thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5]. Về nhân thân: Tại bản án số 08 ngày 16/01/2013, bị cáo Nguyễn Văn Ú bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Đến ngày 08/01/2015, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Bị cáo đã thực hiện xong các quyết định của bản án số 08 ngày 16/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum nên đương nhiên được xóa án tích.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách, giảm nhẹ nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một

thời gian để bị cáo tự giác lao động, cải tạo, học tập trở thành công dân có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” còn có thể xử phạt bổ sung bằng tiền, nhưng căn cứ vào lời khai tại phiên tòa và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bị cáo không có nghề nghiệp gì, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

Đối với hành vi mua dâm của bị cáo Nguyễn Văn Ú và hành vi bán dâm của chị Y Ch, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum ra quyết định xử phạt hành chính đối với bị cáo Nguyễn Văn Ú và chị Y Ch là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Võ Hồng S, không biết được xe mô tô mà bị cáo Ú để lại cho anh S do phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum không xử lý đối với anh Võ Hồng S là hợp pháp. Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với Nguyễn Thị H, là người môi giới mại dâm cho bị cáo Ú và Y Ch. Quá trình điều tra, xác minh hiện nay chị H không có mặt tại địa phương. Ngày 17/6/2019 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum ra Quyết định truy nã bị can số 10/QĐ-CSĐT-ĐTHS trong một vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng T và Đ (Chưa rõ nhân thân lai lịch) là người tiêu thụ tài sản do bị cáo Nguyễn Văn Ú phạm tội mà có. Hiện nay, cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum chưa xác minh được nhân thân lai lịch đối với T và Đ, nên chưa có cơ sở để xử lý, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Ú thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho người bị hại anh A Nh số tiền 23.686.000 đồng (*Hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*). Xét sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật, xét cần chấp nhận.

Tại phiên tòa chị Y Ch đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Võ Hồng S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 2.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Nguyệt T đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 76U1 - 1968 đã được chị Y Ch trả lại, chị T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 7641-1968 là của chị Huỳnh Thị H đã bán cho chị Nguyễn Thị Nguyệt T, chị không có yêu cầu gì. Hội đồng xét xử không đề cập đến

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) mà anh Võ Hồng S đưa cho bị cáo Ú, khi bị cáo Ú để xe mô tô cho anh S. Anh Võ Hồng S

không yêu cầu bị cáo Ú trả lại. Xét đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có, nên buộc bị cáo Nguyễn Văn Ú phải nộp lại tại Chi cục Thi hành án dân sự, thành phố Kon Tum để sung quỹ Nhà Nước.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn Ú phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Ú (Tên gọi khác: Không) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ú 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22 tháng 3 năm 2019.

1. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm giữa bị cáo Nguyễn Văn Ú và anh A Nh. Bị cáo Nguyễn Văn Ú phải bồi thường cho anh A Nh số tiền 23.686.000 đồng (*Hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*). Đây là khoản tiền được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Ú phải sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng thu lợi bất chính, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Ú phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Bị cáo Nguyễn Văn Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.184.300 đồng (*Một triệu một trăm tám mươi tư nghìn ba trăm đồng*).

Bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDTP;
- Công an TP;
- Thi hành án dân sự TP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hường